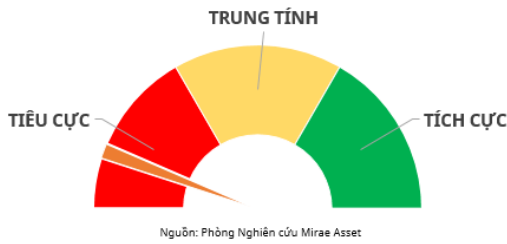


Thang đo sức mạnh thị trường



15 Tháng Bảy 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,293.92	1.09	-5.37	48.74
HNX	306.30	3.18	-3.77	164.25
UPCOM	84.98	0.49	-4.38	49.14
MSCI EM	1,338.13	-0.10	-2.91	25.49
NIKKEI	28,279.09	-1.15	-3.95	23.24
HANG	27,996.27	0.75	-2.24	9.87
KOSPI	3,286.22	0.66	0.85	49.25
FTSE	7,104.62	0.19	-0.95	12.90
S&P 500	4,374.30	0.12	3.01	35.57
NASDAQ	14,644.95	-0.22	4.07	38.81

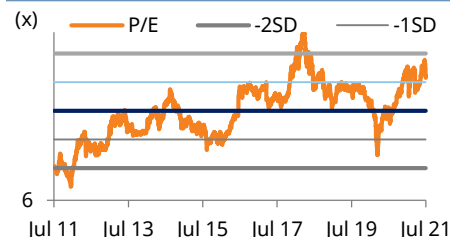
Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.86	2.63	14.92
SET	29.49	1.68	5.97
JCI INDEX	#N/A N/A	2.05	-7.30
PCOMP	28.76	1.65	5.95

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.03	-3	-6	-73
10 năm	2.14	-1	-6	-67

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,015	0.01	-0.28	0.69
US\$/KRW	1,141	0.63	-2.14	5.18
US\$/JPY	110	0.19	0.29	-2.57
US\$/EUR	0.84	-0.09	2.35	-3.67
US\$/GBP	0.72	0.08	1.72	-9.09
US\$/SGD	1.35	0.05	-1.83	2.73

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	735	913	537
HNX	81	133	74
UPCOM	32	59	33

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Lực cầu chiếm ưu thế

Vùng giá thấp đã thu hút lực cầu giúp cho VN-Index đóng cửa trong sắc xanh ghi nhận mức giá đóng cửa ở mốc 1,293 điểm, tăng 14 điểm, tương ứng với mức tăng hơn 1% so với phiên hôm trước. Tuy VN-Index ghi nhận tăng điểm trong phiên hôm nay, nhưng thanh khoản khớp lệnh lại có phần tụt giảm khi chỉ ghi nhận hơn 421 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương ứng mức giảm gần 20% so với phiên trước đó.

Hỗ trợ tích cực về mặt điểm số giúp VN-Index tăng điểm có sự đóng góp của HPG, CTG và VPB với điểm số lần lượt 1,8 điểm; 1,7 điểm và 1,7 điểm. Còn ở chiều ngược lại, BCM và VIC là 2 mã tác động vào chiều giảm điểm với điểm số lần lượt đạt 1 điểm và 0,9 điểm.

Bên cạnh đó, khối ngoại cũng ghi nhận tổng giá trị mua ròng đạt hơn 727 tỷ ở trên cả 2 sàn HSX và HNX. Trong đó, HPG và SSI là những mã mua ròng mạnh nhất với giá trị lần lượt đạt 227 tỷ và 150 tỷ. Ở chiều ngược lại, VIC chịu áp lực bán ròng nhẹ với tổng giá trị đạt hơn 59 tỷ đồng. Với diễn biến mua ròng trong phiên hôm nay đã nâng tổng giá trị mua ròng của khối ngoại trong 6 phiên trở lại đây hơn 4,500 tỷ đồng.

Với phiên tăng điểm trong phiên hôm nay chỉ giúp cho điểm số VN-Index được cải thiện nhẹ từ mức đánh giá -7 điểm lên mức đánh giá -6 điểm, nhưng tiếp tục duy trì trạng thái ngắn hạn là TIÊU CỰC

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-6	TIÊU CỰC
VN30	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-6	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	6	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

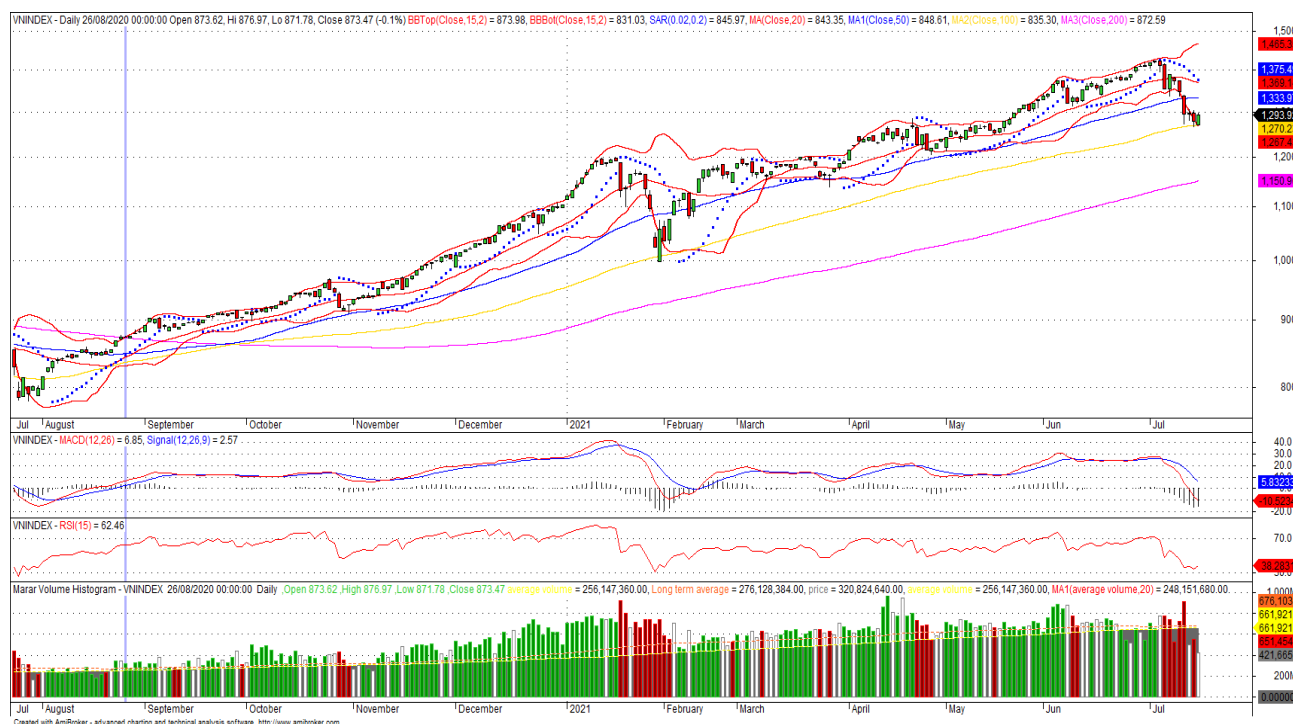
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-6	TIÊU CỰC
VN30	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (15/07/2021)	Kháng cự 1	1350
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.400
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.270
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.220

VN-INDEX bật tăng khi chạm ngưỡng hỗ trợ MA 100 ngày tuy nhiên thanh khoản vẫn duy trì ở mức thấp.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

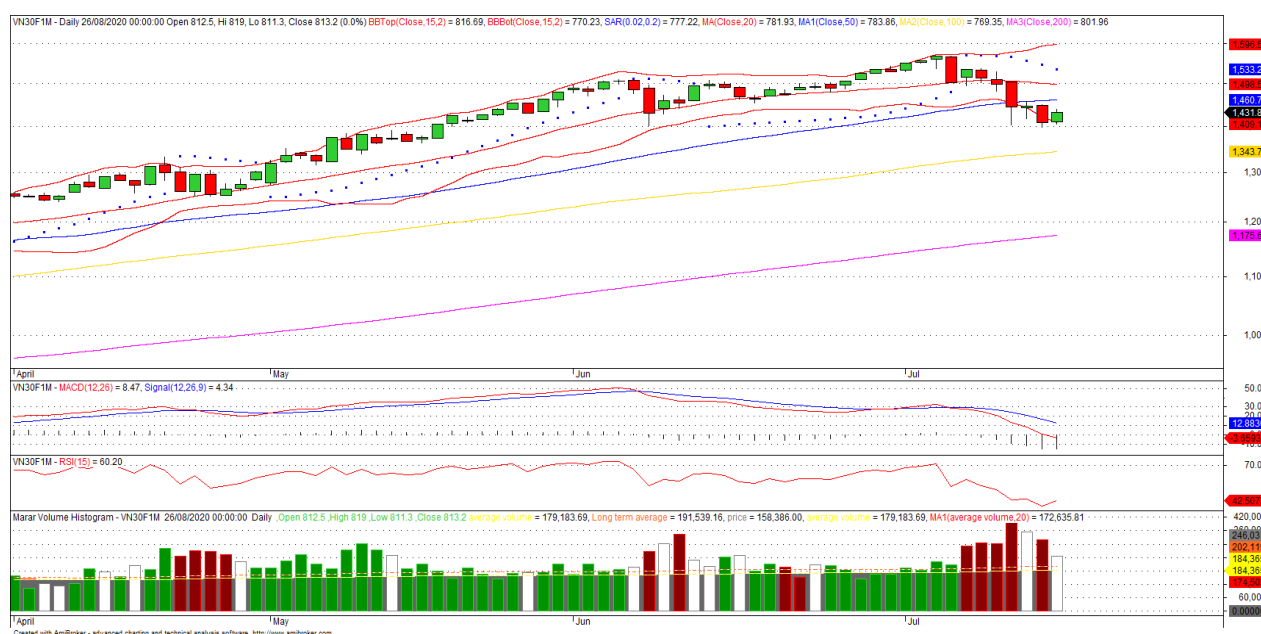
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (15/07/2021)	1.431	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.550
VN30 - đóng cửa	1.430	Hỗ trợ 1	1.410
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-1,68	Hỗ trợ 2	1.370

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-6	TIÊU CỰC

Hiện tại hợp đồng phái sinh tháng 8 đang ghi nhận mức chênh lệch +6 điểm với cơ sở

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
HPG	46.5	32,137,570	-2	TRUNG TÍNH	207,991	11.5	3.1
VPB	64	20,382,696	-4	TIÊU CỰC	157,104	13.8	2.8
TCB	52.1	24,239,064	-2	TRUNG TÍNH	182,606	12.8	2.3
STB	28.8	30,336,356	-4	TIÊU CỰC	51,945	19.3	1.7
SSI	53.7	13,399,945	-4	TIÊU CỰC	35,169	19.3	3.0
MBB	29.3	23,629,480	-6	TIÊU CỰC	110,705	10.9	2.2
SHB	27.3	24,876,520	0	TRUNG TÍNH	52,568	15.6	2.1
CTG	35	19,398,884	-4	TIÊU CỰC	168,202	9.5	1.8
VHM	110.3	4,465,215	-4	TIÊU CỰC	362,833	14.0	4.0
HSG	36	12,039,930	-4	TIÊU CỰC	17,607	7.3	2.2
NVL	104	3,615,655	-4	TIÊU CỰC	153,255	33.7	4.8
KBC	32.65	11,372,245	-4	TIÊU CỰC	15,338	19.9	1.5
FLC	11.5	29,942,964	0	TRUNG TÍNH	8,165	5.9	0.8
PDR	87.2	3,945,160	-6	TIÊU CỰC	42,447	32.3	8.0
PVS	25.3	12,733,065	-2	TRUNG TÍNH	12,093	18.4	1.0
ACB	32.75	9,835,530	-4	TIÊU CỰC	88,489	10.3	2.3
BSR	17.7	16,758,580	-4	TIÊU CỰC	54,879	#N/A N/A	1.8
HCM	48.2	6,092,100	-4	TIÊU CỰC	14,703	19.6	3.1
SHS	40.5	7,194,120	-4	TIÊU CỰC	8,394	8.6	2.3
VNM	85.2	3,324,405	-6	TIÊU CỰC	178,064	18.2	5.7
VND	41.2	6,732,560	-4	TIÊU CỰC	8,838	12.1	3.1
FPT	85.4	2,800,840	-6	TIÊU CỰC	77,498	20.8	4.6
LPB	27.7	8,067,465	-4	TIÊU CỰC	29,767	13.2	2.0
VIC	102	2,126,125	-5	TIÊU CỰC	345,008	46.9	4.3
VCB	102.5	2,062,560	-6	TIÊU CỰC	380,160	18.0	3.8
AAA	15.95	12,768,435	-4	TIÊU CỰC	4,733	11.4	1.0
MSN	115	1,604,685	0	TRUNG TÍNH	135,761	89.8	8.4
GVR	30.5	5,686,395	-4	TIÊU CỰC	122,000	28.0	2.5
IJC	23.5	7,155,550	-4	TIÊU CỰC	5,102	7.7	1.5
TPB	33.7	4,980,915	-6	TIÊU CỰC	36,115	8.8	1.9
VCI	53	3,129,050	-6	TIÊU CỰC	17,649	18.6	3.6
MWG	167.1	970,525	-2	TRUNG TÍNH	79,424	18.5	4.6
NKG	32.8	4,816,425	-4	TIÊU CỰC	5,970	4.0	1.6
BID	42.7	3,627,325	-4	TIÊU CỰC	171,740	20.9	2.2
DXG	22.3	6,839,460	-2	TRUNG TÍNH	11,558	#N/A N/A	1.7
GEX	22.25	6,793,290	-4	TIÊU CỰC	17,381	13.3	1.9
FIT	15.05	9,850,360	-6	TIÊU CỰC	3,834	56.3	1.3
HDB	33.2	4,285,325	-6	TIÊU CỰC	52,913	10.7	2.2
PVD	19.4	7,066,675	-2	TRUNG TÍNH	8,170	126.4	0.6
NVB	19	6,598,025	-4	TIÊU CỰC	7,729	712.2	1.8
DBC	53.2	2,342,210	-4	TIÊU CỰC	6,131	4.2	1.4
PLX	50.9	2,360,055	-4	TIÊU CỰC	63,310	17.5	2.7
VRE	28	4,204,195	-4	TIÊU CỰC	63,625	23.8	2.1
TCH	19.15	5,747,165	-4	TIÊU CỰC	7,644	7.5	1.3
POW	10.7	10,077,705	-2	TRUNG TÍNH	25,058	10.3	0.9
HNG	8.96	11,939,900	-4	TIÊU CỰC	9,933	381.6	1.1
DIG	22.95	4,647,980	-4	TIÊU CỰC	9,407	12.3	2.0
GMD	40.4	2,558,120	-4	TIÊU CỰC	12,176	32.4	2.0
GAS	90.5	1,058,305	-4	TIÊU CỰC	173,212	22.9	3.4
VGT	16.3	5,705,450	-4	TIÊU CỰC	8,150	28.6	1.3
VIB	44.9	2,067,665	-4	TIÊU CỰC	69,736	13.3	3.6
KDC	61	1,519,515	-6	TIÊU CỰC	13,954	45.4	2.4

DGC	80.8	1,120,300	-4	TIÊU CỰC	13,823	14.7	3.3
ROS	5.26	17,187,944	-2	TRUNG TÍNH	2,986	164.1	0.5
VIX	22.3	4,046,615	-4	TIÊU CỰC	2,848	4.2	1.4
KDH	36.35	2,432,495	-2	TRUNG TÍNH	22,649	18.7	2.7
IDC	32.4	2,682,865	-2	TRUNG TÍNH	9,720	31.0	2.6
HDG	49.2	1,754,745	7	KHẢ QUAN	8,051	6.9	2.3
PVT	18.65	4,533,605	-2	TRUNG TÍNH	6,036	8.2	1.2
MBS	30	2,704,040	-6	TIÊU CỰC	8,028	16.6	2.6
SCR	9.2	8,790,965	-4	TIÊU CỰC	3,370	19.1	0.7
NLG	36.7	2,194,980	-7	TIÊU CỰC	10,469	9.2	1.6
SBT	18.7	4,037,840	-2	TRUNG TÍNH	11,541	16.5	1.5
VJC	114.8	641,675	-5	TIÊU CỰC	62,177	50.9	4.1
DRC	27.5	2,589,685	-4	TIÊU CỰC	3,267	11.6	1.9
DCM	17.2	3,898,865	-4	TIÊU CỰC	9,106	15.3	1.4
VHC	39.1	1,676,650	-4	TIÊU CỰC	7,114	10.2	1.3
BVH	50.5	1,278,765	-4	TIÊU CỰC	37,487	19.8	1.8
PNJ	95.1	677,700	-7	TIÊU CỰC	21,623	19.1	3.8
PET	20.35	2,983,090	-2	TRUNG TÍNH	1,701	11.0	1.1
HBC	13.35	4,531,410	-2	TRUNG TÍNH	3,082	34.8	0.9
ITA	6.21	9,741,340	-2	TRUNG TÍNH	5,827	28.0	0.5
FRT	29.5	1,886,585	2	TRUNG TÍNH	2,330	124.0	1.9
DPM	20.65	2,631,045	-4	TIÊU CỰC	8,081	10.7	1.0
HAH	35.9	1,505,295	0	TRUNG TÍNH	1,701	10.3	1.5
AGR	13.1	3,638,255	-4	TIÊU CỰC	2,767	22.9	1.3
TNG	19.6	2,393,800	-4	TIÊU CỰC	1,559	10.4	1.3
DGW	132.5	352,880	-2	TRUNG TÍNH	5,857	17.3	4.5
HDC	49.55	909,420	-6	TIÊU CỰC	4,120	15.4	3.4
TTF	6.91	6,413,610	-4	TIÊU CỰC	2,150	#N/A N/A	#N/A N/A
CII	15.75	2,693,785	-4	TIÊU CỰC	3,762	283.1	0.8
BSI	21.5	1,940,920	-4	TIÊU CỰC	2,614	10.5	1.7
SBS	12.9	3,234,825	-4	TIÊU CỰC	1,634	1,422.3	7.9
PHR	49.2	845,980	-4	TIÊU CỰC	6,667	6.9	2.1
CTS	21.05	1,934,200	-4	TIÊU CỰC	2,240	8.6	1.5
CTR	71.4	542,585	-4	TIÊU CỰC	6,635	23.7	6.3
PAN	24.3	1,558,575	-2	TRUNG TÍNH	5,076	25.8	1.4
ART	9	4,201,805	-2	TRUNG TÍNH	872	33.4	0.8
TLH	14.65	2,491,915	-4	TIÊU CỰC	1,475	19.4	0.9
BVS	27.8	1,309,030	-4	TIÊU CỰC	2,007	10.7	1.0
HQC	3.2	11,356,210	-2	TRUNG TÍNH	1,525	213.9	0.4
E1VFN30	24.25	1,467,925	-6	TIÊU CỰC	9,150	#N/A Field	#N/A Field
HHV	17.7	1,985,885	-6	TIÊU CỰC	4,733	30.3	0.8
OIL	12.8	2,691,835	-4	TIÊU CỰC	13,238	#N/A N/A	1.4
ORS	22.8	1,500,370	-4	TIÊU CỰC	2,280	21.6	3.6
VCS	106.9	319,475	-4	TIÊU CỰC	17,104	12.6	4.1
VPI	35.2	951,795	0	TRUNG TÍNH	7,040	23.1	2.5
REE	51.2	653,475	-6	TIÊU CỰC	15,823	8.9	1.3
SZC	34.35	943,490	-2	TRUNG TÍNH	3,435	16.2	2.6
HUT	7.5	4,301,995	-2	TRUNG TÍNH	2,015	#N/A N/A	0.7

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

GDP Trung Quốc tăng không đạt kỳ vọng

GDP Trung Quốc quý II tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước, cơ quan thống kê quốc gia Trung Quốc hôm nay cho biết, thấp hơn dự báo tăng 8,1% từ Reuters. Doanh số bán lẻ và sản lượng công nghiệp tháng 6 lần lượt tăng 12,1% và 8,3%, vượt dự báo. Trước đó, doanh số bán lẻ không đạt kỳ vọng từ giới phân tích trong tháng 4 và 5. Trong quý I, GDP Trung Quốc tăng 18,3% sau khi suy giảm trong quý cùng kỳ năm trước, tăng 0,6% so với quý IV/2020. Trong 3 tháng qua, Bắc Kinh triển khai các biện pháp hỗ trợ công ty bị ảnh hưởng bởi tình trạng giá hàng hóa tăng. Ngày 9/7, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) thông báo sẽ hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc (RRR) 0,5 điểm phần trăm đối với các ngân hàng, đồng nghĩa giải phóng tới 1.000 tỷ nhân dân tệ (154 tỷ USD) ra thị trường. Động thái này không gây bất ngờ và là lần đầu tiên được triển khai kể từ tháng 4/2020, khi đại dịch Covid-19 gần lên đỉnh, ảnh hưởng đến nền kinh tế số hai thế giới.

Fed tuyên bố tiếp tục hỗ trợ cho đến khi kinh tế Mỹ phục hồi hoàn toàn

Fed ngày 14/7 cho biết đà phục hồi của nền kinh tế Mỹ đang thúc đẩy tăng trưởng việc làm, nhất là những công việc đòi hỏi ít kỹ năng. Chủ tịch Fed Jerome Powell tuyên bố ngân hàng này sẽ tiếp tục biện pháp kích thích cho đến khi kinh tế phục hồi hoàn toàn, kể cả khi lạm phát tăng lên mức cao nhất trong hơn một thập kỷ qua. Phát biểu tại cuộc điều trần định kỳ 6 tháng một lần tại quốc hội Mỹ về nền kinh tế và chính sách tiền tệ, ông Powell cho biết chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Mỹ trong tháng 6 lên đến 5,4% - mức cao nhất kể từ tháng 8/2008, nhưng Fed vẫn kiên định với chính sách của mình và sẽ tiếp tục chương trình hỗ trợ cho đến khi nền kinh tế phục hồi hoàn toàn. Ông Powell thừa nhận rằng lạm phát tăng mạnh hơn dự đoán của Fed và tiếp tục tăng trong những tháng tới, nhưng ông tin rằng giá cả tăng cao gần đây liên quan đến việc mở cửa lại nền kinh tế sau đại dịch và lạm phát sẽ giảm một khi các “nút thắt” về nguồn cung và các vấn đề tạm thời khác được giải quyết.

CIEM: Kinh tế năm nay có thể đạt mức tăng trưởng 5,9-6,2%

Tại Hội thảo trực tuyến “Kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm với chủ đề cải cách để phục hồi tăng trưởng bền vững” với sự hỗ trợ của Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam (Aus4Reform), Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) đã cập nhật 2 kịch bản tăng trưởng kinh tế năm nay. Theo báo cáo cùng tên do nhóm nghiên cứu CIEM thực hiện, bước vào đầu năm nay, kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục phục hồi mạnh mẽ. Tuy nhiên, hai đợt dịch với những diễn biến phức tạp, nhất là đợt dịch thứ tư - bắt đầu từ cuối tháng 4 đến nay, đã gây ra những khó khăn, thách thức lớn đối với nền kinh tế. Từ nhận định đó, ở kịch bản lạc quan, dịch Covid-19 được kiểm soát vào tháng 8, CIEM dự báo nền kinh tế tăng trưởng 6,2% trong năm nay, thấp hơn 0,3 điểm phần trăm so với Nghị quyết 01 của Chính phủ nhưng cao hơn 0,2 điểm phần trăm so với chỉ tiêu được Quốc hội giao. Ở kịch bản ít lạc quan hơn, giả định dịch Covid-19 được kiểm soát vào tháng 10, kinh tế sẽ tăng trưởng 5,9% trong năm

nay, thấp hơn 0,1 điểm phần trăm so với chỉ tiêu Quốc hội giao và tương tự không hoàn thành một trong những chỉ tiêu chính của kế hoạch kinh tế - xã hội năm nay của Chính phủ.

Bộ Tài chính đề xuất giảm thuế nhập khẩu thép, tăng thuế xuất khẩu phôi

Trong công văn số 7672/BTC-CST về hồ sơ xây dựng dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020, Bộ Tài chính cho biết, giá thép xây dựng trong nước liên tục tăng mạnh. Nguyên nhân chủ yếu do giá nguyên liệu sản xuất tăng và ngành thép phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu từ bên ngoài. Việc giá thép tăng cao đã ảnh hưởng lớn đến tiến độ và giải ngân cũng như chi phí dự phòng của các dự án, đặc biệt các dự án đầu tư công, đến chi phí đầu vào của nhiều ngành sản xuất. Bộ Tài chính cho rằng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (MFN) đối một số loại sắt thép xây dựng đã được áp dụng trong một thời gian dài với mức tương đối cao (lên đến 15%, 20% và 25%). Do đó, để góp phần hạ giá mặt hàng thép xây dựng, thúc đẩy các doanh nghiệp giảm chi phí, Bộ Tài chính trình Chính phủ phương án điều chỉnh mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng phôi thép và mức thuế suất thuế nhập khẩu MFN của một số loại sắt thép.

VPB: trình phát hành cổ phiếu tỷ lệ 80%

VPBank ([HoSE: VPB](#)) vừa công bố tờ trình xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về phương án tăng vốn điều lệ năm 2021. Ngân hàng đề xuất phát hành tối đa hơn 1,97 tỷ cổ phiếu mới, tương đương tỷ lệ 80% gồm trả cổ tức tỷ lệ 62,15%, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng) tỷ lệ 17,85%. Cổ đông sở hữu 10.000 cổ phiếu phổ thông được hưởng quyền sẽ được nhận thêm 8.000 cổ phiếu mới gồm 6.215 cổ phiếu từ trả cổ tức và 1.785 cổ phiếu thưởng phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu. VPBank hiện đang lưu hành hơn 2,4 tỷ cổ phiếu và nắm giữ hơn 75,2 triệu cổ phiếu quỹ. Tổng số cổ phiếu đang niêm yết là hơn 2,5 tỷ đơn vị. Sau khi hoàn tất, vốn điều lệ của VPBank dự kiến tăng từ hơn 25.299 tỷ đồng lên hơn 45.057 tỷ đồng (tăng thêm hơn 19.757 tỷ đồng), tương đương tổng số cổ phiếu niêm yết sẽ tăng lên hơn 4,5 tỷ đơn vị.

NVL: muốn phát hành tối đa 1.500 tỷ đồng trái phiếu, bảo đảm bằng bất động sản

Nghị quyết HĐQT Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland, [HoSE: NVL](#)) thông qua phương án phát hành tối đa 1.500 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng được đảm bảo bằng bất động sản thuộc sở hữu của Novaland, Địa ốc No Va và các cá nhân, tổ chức khác. mTrong tháng 6, HĐQT đã phê duyệt phương án vay vốn tối đa 1.600 tỷ đồng qua giao dịch bảo đảm và 2 đợt phát hành trái phiếu với tổng giá trị tối đa là 1.300 tỷ đồng (tính theo mệnh giá). Các khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phần NVL thuộc sở hữu của bên bảo đảm là Chủ tịch HĐQT Bùi Thành Nhơn và công ty của ông là Novagroup, bên cạnh một số tài sản bảo đảm khác. Novaland cũng có kế hoạch niêm yết 300 triệu USD trái phiếu chuyển đổi quốc tế tại Sở giao dịch chứng khoán Singapore. Trái phiếu có giá chuyển đổi là 135.700 đồng/cp, lãi suất 5,25%/năm với kỳ hạn 5 năm kể từ ngày phát

hành. Năm 2018, Novaland đã phát hành hai đợt trái phiếu với tổng giá trị 240 triệu USD, các trái chủ đã chuyển đổi và trở thành cổ đông Novaland.

C47: sắp chia cổ tức và thưởng cổ phiếu tỷ lệ 15%

Công ty Xây dựng 47 ([HoSE: C47](#)) công bố Nghị quyết HĐQT thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020 và thưởng tổng tỷ lệ 15%. Doanh nghiệp dự kiến phát hành 2,8 triệu cổ phiếu tăng vốn lên 214,7 tỷ đồng. Trong đó, 936.107 cổ phần được phát hành thêm để trả cổ tức tỷ lệ 5% và 1,87 triệu cổ phiếu phát hành từ vốn chủ sở hữu thưởng cho cổ đông tỷ lệ 10%. Nguồn thực hiện để chia cổ tức và thưởng là từ lợi nhuận sau thuế và thặng dư vốn cổ phần. Thời điểm thực hiện trong năm 2021, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Cổ phiếu C47 hiện giao dịch ở vùng giá 10.000 đồng/cp, giảm 29% trong hơn 3 tháng qua. Năm 2020, Xây dựng 47 ghi nhận doanh thu đạt 1.234 tỷ đồng, tăng 38%; lãi sau thuế 22 tỷ đồng, gấp 3,3 lần năm trước. Quý I năm nay, doanh nghiệp lãi 5 tỷ đồng, gấp 2,6 lần cùng kỳ năm trước nhờ các công trình Tân Mỹ và Đồng Mít thi công đạt tiến độ theo yêu cầu chủ đầu tư.

GEX: tiếp tục bán 5,4 triệu cổ phiếu chưa phân phối với giá 16.000 đồng/cp

Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam (Gelex, [HoSE: GEX](#)) vừa thông báo kết quả chào bán gần 293 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Hơn 287,5 triệu cổ phiếu đã phân phối với giá chào bán 12.000 đồng/cp đã mang lại dòng tiền khoảng 3.450,5 tỷ đồng cho doanh nghiệp. Toàn bộ số cổ phiếu này không bị hạn chế chuyển nhượng. Hơn 5,4 triệu cổ phiếu còn lại không đặt mua hết, Gelex dự kiến tiếp tục bán với giá 16.000 đồng cho các nhà đầu tư đủ năng lực tài chính để nộp tiền mua cổ phiếu đúng thời hạn và chấp thuận điều kiện hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu trong 1 năm. Thời gian nộp tiền trước 15h ngày 16/7. Với giá chào bán mới cho lượng cổ phiếu chưa phân phối hết, tổng giá trị huy động dự kiến gần 3.537 tỷ đồng, cao hơn kế hoạch ban đầu là 3.515 tỷ đồng. Vào cuối tháng 5, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận chào bán thêm 292,95 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Gelex. Tỷ lệ thực hiện là 10:6, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được mua thêm 6 cổ phiếu mới. Mức giá chào bán là 12.000 đồng/cổ phiếu.

PGV: 3 chốt quyền chia cổ tức tổng tỷ lệ 10%

Tổng công ty Phát điện 3 (EVNGenco 3, [UPCoM: PGV](#)) công bố ngày 26/7 đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2020 bằng tiền và cổ phiếu tổng tỷ lệ 10%. Đây là lần đầu tiên doanh nghiệp chia cổ tức kể từ khi cổ phần hóa (2018). Cụ thể, tổng công ty sẽ trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 5%, 1 cổ phiếu nhận 500 đồng. Ngày thực hiện chi trả là 11/8, tổng số tiền thanh toán khoảng 535 tỷ đồng. Đơn vị sẽ phát hành gần 53,5 triệu cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương tỷ lệ phân phối tỷ lệ 5%. Năm 2020, EVNGenco 3 ghi nhận 1.815 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 61% (phần thuộc về cổ đông công ty mẹ là 1.786 tỷ đồng). Với kết quả này, HĐQT đã trình và được cổ đông thông qua phương án trả cổ tức tỷ lệ 10%, tương đương tổng giá trị chia gần 1.070 tỷ đồng. Năm 2021, EVNGenco 3 lên kế hoạch tổng doanh thu 39.791 tỷ đồng, lãi sau thuế 1.311 tỷ đồng; lần lượt tăng 2% và giảm 19% so với năm trước. Tỷ lệ chia cổ tức không thấp

hơn 7% vốn điều lệ. Quý I, công ty mẹ EVN Genco 3 ghi nhận lãi sau thuế 771 tỷ đồng, cải thiện so với mức lỗ 402 tỷ đồng cùng kỳ năm trước và thực hiện 59% kế hoạch năm.

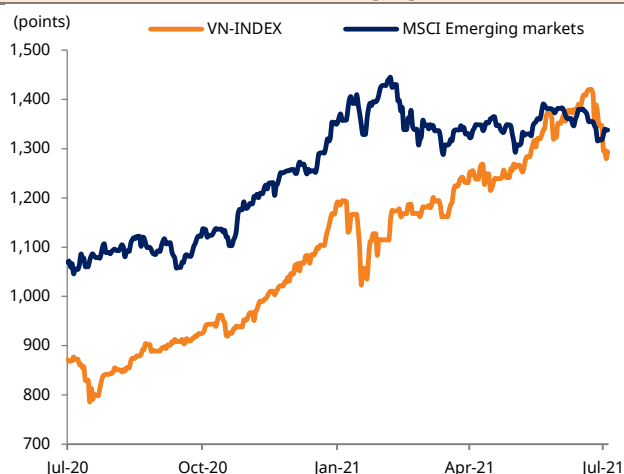
HND: Doanh thu cả quý đạt gần 2.624 tỷ đồng, giảm 16% so với cùng kỳ năm trước

Theo báo cáo tài chính của Nhiệt điện Hải Phòng ([UPCoM:HND](#)), tại thời điểm cuối quý II, tiền và các khoản tương đương tiền giảm từ 1.476,5 tỷ đồng về còn 61,6 tỷ đồng, tương ứng giảm 96%. Nguyên nhân chủ yếu từ dòng tiền âm 348 tỷ đồng từ hoạt động kinh doanh, bên cạnh việc trả cổ tức gần 970 tỷ đồng. Khoản phải thu ngắn hạn cũng giảm 39% xuống 2.735 tỷ đồng. Nợ vay tài chính giảm 30% xuống 2.424 tỷ đồng. Doanh thu cả quý đạt gần 2.624 tỷ đồng, giảm 16% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn hàng bán giảm ít hơn 7%, chủ yếu do một số tài sản cố định của nhà máy Hải Phòng 1 đã hết khấu hao khiến chi phí khấu hao giảm. Biên lãi gộp giảm từ 19% xuống 10%. Hoạt động tài chính cũng kém khả quan với doanh thu 9,8 tỷ đồng, giảm 9% trong khi chi phí tài tài chính gấp 10 lần, lên mức 38,6 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 65%, ở mức 35,2 tỷ đồng.

FPT Retail (FRT): Doanh thu 6 tháng đầu năm ước tăng 20% so với cùng kỳ

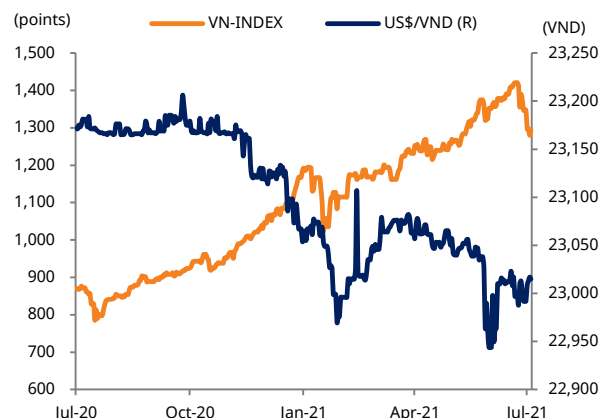
Thị trường chứng khoán tiếp tục phiên giảm mạnh giữa bối cảnh lo ngại về dịch bệnh lên cao, đặc biệt tại Tp.HCM và các tỉnh phía nam. Hàng loạt cổ phiếu lớn giảm sâu, riêng FRT trở thành tâm điểm chú ý khi liên tục tăng tốt. Hiện, FRT đang giao dịch tại mức 29.500 đồng/cp, tăng gần 8% sau 1 tuần tính từ ngày 6/7/2021 và tăng 23% sau gần 2 tháng. Động lực tăng trưởng của FRT một phần đến từ lợi thế trong mảng laptop, đặc biệt laptop gaming khi nhu cầu tiếp tục đột biến giữa đại dịch. Báo cáo tổng kết 5 tháng đầu năm 2021 của GfK ghi nhận, tiêu thụ laptop đạt những mốc kỷ lục mới. Đặc biệt, laptop gaming đạt mức tăng trưởng đột biến - tăng 217% (tức gần gấp 3 lần so với 5 tháng cùng kỳ năm 2020), chiếm đến 20% trong doanh thu của laptop chung. Trong đó, FPT Shop tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu nhóm sản phẩm này với mức 35% thị phần bán lẻ.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



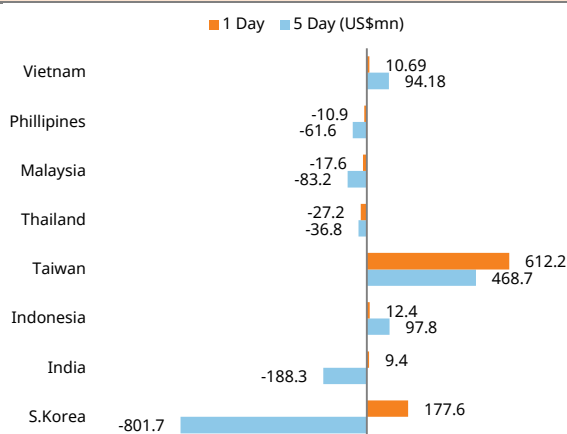
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



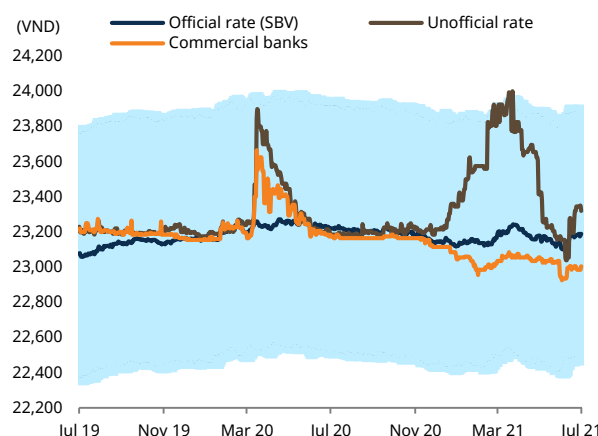
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



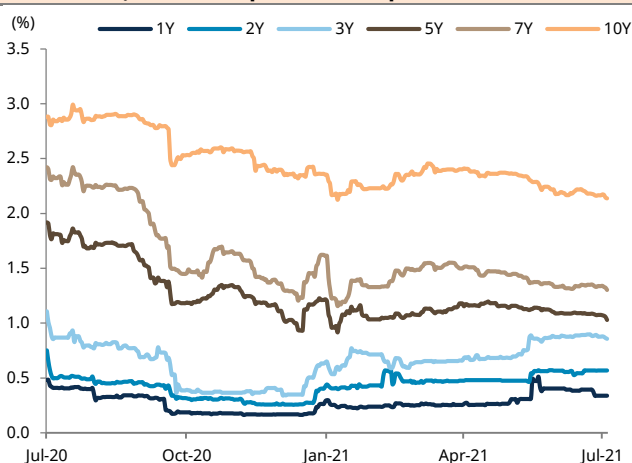
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



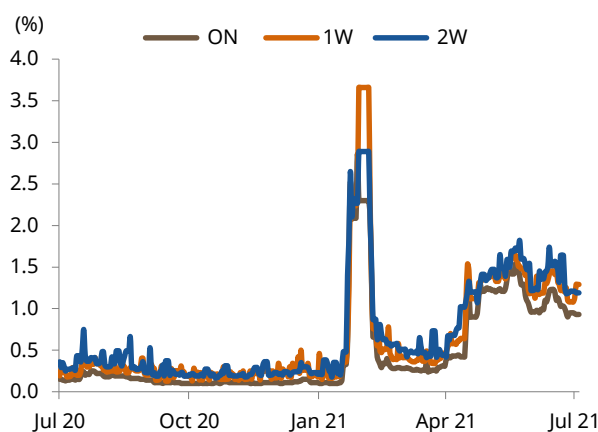
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,430.29	3,402,980		1.4	-6.0	-3.8	76.5	13.9	12.0	2.6	2.2	15.1	16.1	23.2	20.6
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,700	171,740	16.7	0.2	-6.8	-4.9	3.3	18.2	13.3	1.9	1.6	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	50,500	37,487	26.9	1.0	-8.0	-17.5	5.5	21.9	19.4	1.8	1.7	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	35,000	168,202	24.7	3.9	-9.3	-13.3	87.4	10.4	8.6	1.7	1.5	18.5	21.0	19.8	20.0
CTCP FPT	FPT VN	85,400	77,498	49.0	0.2	-4.9	2.6	102.1	19.4	15.9	4.3	3.7	22.8	21.9	25.6	26.4
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	90,500	173,212	2.8	-0.9	-2.7	2.0	25.5	17.1	15.6	3.3	3.0	31.2	9.9	20.0	20.4
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	33,200	52,913	18.0	1.7	-7.6	-4.5	104.0	9.6	8.0	1.8	1.5	29.4	20.3	21.3	20.2
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	46,500	207,991	26.6	3.3	-5.1	-12.6	168.6	7.5	7.1	2.3	1.8	117.7	6.0	42.3	28.9
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	36,350	22,649	33.2	-1.2	-1.1	-1.5	71.4	18.8	13.9	2.4	2.1	3.2	35.2	14.2	17.0
NHTMCP Quân đội	MBB VN	29,300	110,705	21.7	1.6	-6.0	0.6	165.4	10.4	8.9	1.9	1.6	28.6	17.1	21.4	20.8
Tập đoàn Masan	MSN VN	115,000	135,761	33.3	-1.0	-4.0	8.0	106.5	48.9	28.4	6.6	5.3	123.0	72.3	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	167,100	79,424	49.0	0.4	-3.1	21.2	97.5	15.3	12.8	3.9	3.2	25.9	20.2	26.7	27.0
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	104,000	153,255	9.2	0.0	-6.1	0.0	128.0	28.2	30.9	4.4	4.3	26.1	-8.8	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	87,200	42,447	4.0	-0.3	-7.9	-5.7	357.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	50,900	63,310	17.3	0.0	-2.7	-7.1	9.6	18.7	15.5	2.6	2.6	295.9	20.5	15.7	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	95,100	21,623	48.9	-0.9	-9.9	-0.9	58.0	16.3	12.9	3.5	2.9	35.5	26.7	24.1	23.8
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	10,700	25,058	3.0	2.4	-5.7	-11.2	7.0	12.3	10.8	0.8	0.8	-12.6	13.6	7.1	7.7
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	51,200	15,823	49.0	0.2	-3.4	-10.0	54.9	8.7	7.1	1.1	1.1	11.6	23.7	13.4	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	18,700	11,541	8.7	6.9	-3.1	-8.8	27.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	53,700	35,169	47.7	5.3	-1.3	3.3	224.5	22.0	17.2	NA	NA	24.5	28.2	14.3	16.2
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	28,800	51,945	13.8	5.1	-4.6	-4.3	149.4	24.7	16.9	1.7	1.5	-6.8	46.3	8.8	11.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	52,100	182,606	22.5	2.2	-8.0	-0.4	152.9	11.2	9.6	2.0	1.7	31.8	17.4	19.8	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	19,150	7,644	13.6	0.3	-9.0	-14.1	-11.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	33,700	36,115	30.0	2.1	-10.7	-6.4	90.2	7.9	6.7	1.6	1.3	25.9	17.9	23.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	102,500	380,160	23.7	0.7	-7.7	-0.3	22.8	16.7	13.9	3.2	2.7	37.4	19.7	22.1	21.7
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	110,300	362,833	23.2	0.7	-4.1	-2.0	36.0	11.7	10.5	3.1	2.5	13.2	12.1	31.5	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	102,000	345,008	15.8	-1.0	-8.1	-16.2	12.7	58.9	54.6	3.9	3.5	2.4	7.8	6.8	8.2
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	114,800	62,177	18.4	-1.9	-4.6	-1.9	6.5	153.1	23.4	3.4	2.8	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	85,200	178,064	55.0	0.2	-3.6	-8.3	-11.9	17.3	16.3	5.3	5.1	3.0	6.3	33.9	34.5
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	64,000	157,104	15.4	4.1	-7.6	-3.8	184.4	11.3	10.7	2.1	1.7	32.5	5.2	21.6	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,000	63,625	30.5	-0.9	-6.4	-14.8	4.9	22.7	18.5	2.1	1.8	17.5	22.7	8.8	10.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	14.01	4,805,626	1.1	-5.9	-5.4	48.7	15.5	13.0	2.5	2.2	15.2	19.2	20.1	18.9
Ô tô và phụ tùng	0.03	7,959	1.2	-0.9	-6.5	37.7	6.1	5.6	1.2	1.1	34.5	9.7	12.5	12.0
Ngân hàng	9.39	1,644,457	2.2	-6.4	-3.8	70.4	13.6	10.9	2.2	1.8	31.1	22.1	19.0	18.8
Xây dựng cơ bản	0.77	167,681	1.6	-1.2	-5.9	52.2	5.9	4.3	0.4	0.3	9.6	28.5	5.7	6.3
Dịch vụ thương mại	0.00	4,524	0.0	-1.1	0.8	10.9	7.1	5.6	NA	NA	18.8	27.9	10.1	12.2
May mặc và trang sức	0.01	43,122	0.1	-6.2	-1.1	126.4	12.9	10.4	2.5	2.1	41.3	22.0	18.0	18.1
Dịch vụ tiêu dùng	0.01	7,939	0.5	-2.0	-3.6	15.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	1.07	91,489	4.5	-1.0	2.3	210.4	12.3	6.7	0.5	NA	23.3	28.2	8.3	6.3
Năng lượng	0.02	80,398	0.1	1.0	-7.9	24.2	19.7	14.7	2.2	2.2	NA	31.5	13.6	14.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.18	508,236	0.2	-1.5	-3.3	25.6	24.6	17.9	4.6	4.1	43.3	29.5	20.6	22.0
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	773	0.6	-4.1	-16.9	3.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,814	0.0	-0.2	-4.1	-2.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.17	45,408	1.4	-4.4	-14.5	11.9	19.4	17.1	1.6	1.5	11.7	14.0	7.7	8.4
Nguyên vật liệu	3.88	460,710	3.2	-2.3	-8.8	142.9	42.2	11.9	1.9	1.0	93.8	-3.1	26.5	19.0
Giải trí và truyền thông	0.00	1,328	0.6	-5.4	-12.9	-27.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.02	35,141	0.6	-1.0	-14.5	36.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-1.28	1,155,774	0.2	-1.2	-2.5	23.4	8.6	7.4	1.4	1.0	10.4	14.2	9.1	9.6
Bán lẻ	0.09	88,133	-0.4	-3.3	-8.1	56.4	26.9	25.1	2.9	2.6	12.3	18.4	15.5	14.4
Phần mềm và dịch vụ	0.03	81,817	0.4	-4.7	19.3	91.0	14.4	11.9	3.6	2.9	37.4	18.4	24.3	24.7
Thiết bị và phần cứng	0.04	5,857	0.2	-4.7	2.4	99.1	18.4	15.1	4.0	3.6	29.9	19.3	24.3	25.0
Dịch vụ viễn thông	0.01	1,709	2.3	-8.6	6.0	209.2	14.0	12.0	3.7	2.9	52.0	16.9	28.7	27.1
Vận tải	0.04	156,885	2.2	0.0	15.5	316.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.30	253,411	0.2	-2.1	-4.0	22.8	63.6	11.7	24.9	1.3	NA	NA	-69.6	22.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
HPG VN	46,500	3.3	28,546,500	1.8
CTG VN	35,000	3.9	15,110,200	1.7
VPB VN	64,000	4.1	17,772,800	1.7
GVR VN	30,500	4.1	3,199,200	1.3
TCB VN	52,100	2.2	20,322,400	1.0
ACB VN	32,750	3.1	5,095,400	0.7
VHM VN	110,300	0.7	4,555,800	0.7
VCB VN	102,500	0.7	2,319,400	0.7
SSB VN	40,300	5.5	1,725,100	0.7
STB VN	28,800	5.1	25,368,800	0.7

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
BCM VN	45,250	-7.0	27,400	-1.0
VIC VN	102,000	-1.0	2,584,200	-0.9
GAS VN	90,500	-0.9	494,000	-0.4
MSN VN	115,000	-1.0	1,054,500	-0.4
VJC VN	114,800	-1.9	1,035,600	-0.3
VRE VN	28,000	-0.9	3,686,300	-0.2
PPC VN	23,500	-4.5	198,900	-0.1
KDH VN	36,350	-1.2	1,480,500	-0.1
CHP VN	18,100	-9.0	20,800	-0.1
FLC VN	11,500	-2.5	19,021,600	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.